Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6506.10.40

Mã HS	6506.10.40
Mô tả hàng hóa	Mũ và các vật đội đầu khác, đã hoặc chưa lót hoặc trang trí / - Mũ bảo hộ và các vật đội đầu an toàn khác: / - - Mũ dùng trong chơi water-polo
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 03:43:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/65061040/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10073
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10073
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10073
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9591
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9542
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9542
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9542
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9542
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9542
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9542
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9594
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9594

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9594
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9594
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9594
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9594
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9595
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9595
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9595
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9595
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9595
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9595
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9596
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9548
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9554
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9554
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9554
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9554
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9554
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9554
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9579
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9579
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9579
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9579
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9579
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9579
VCFTA	2022	2022	1	VC!D9626
VCFTA	2023	2023	1	VC!E9626

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9626
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9626
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9626
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9626
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9605
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9605
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9605
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9605
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9605
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9605
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D9617
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E9617
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F9617
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G9617
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H9617
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9617
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D9628
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E9628
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F9628
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9628
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9628
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9628
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D9627
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E9627
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F9627
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9627

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9627
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9627
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9574
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9574
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9574
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9574
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9574
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9574
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9574
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9611
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9611
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9611
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9611
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9611
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9611
RCEP B	2022	2022	0	B!D9611
RCEP B	2023	2023	0	B!E9611
RCEP B	2024	2024	0	B!F9611
RCEP B	2025	2025	0	B!G9611
RCEP B	2026	2026	0	B!H9611
RCEP B	2027	2027	0	B!I9611
RCEP C	2022	2022	0	C!D9611
RCEP C	2023	2023	0	C!E9611
RCEP C	2024	2024	0	C!F9611
RCEP C	2025	2025	0	C!G9611
RCEP C	2026	2026	0	C!H9611

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9611
RCEP D	2022	2022	0	D!D9610
RCEP D	2023	2023	0	D!E9610
RCEP D	2024	2024	0	D!F9610
RCEP D	2025	2025	0	D!G9610
RCEP D	2026	2026	0	D!H9610
RCEP D	2027	2027	0	D!I9610
RCEP E	2022	2022	0	E!D9614
RCEP E	2023	2023	0	E!E9614
RCEP E	2024	2024	0	E!F9614
RCEP E	2025	2025	0	E!G9614
RCEP E	2026	2026	0	E!H9614
RCEP E	2027	2027	0	E!I9614
RCEP F	2022	2022	0	F!D9611
RCEP F	2023	2023	0	F!E9611
RCEP F	2024	2024	0	F!F9611
RCEP F	2025	2025	0	F!G9611
RCEP F	2026	2026	0	F!H9611
RCEP F	2027	2027	0	F!I9611
VIFTA	2024	2024	0	VI!F8897
VIFTA	2025	2025	0	VI!G8897
VIFTA	2026	2026	0	VI!H8897
VIFTA	2027	2027	0	VI!I8897

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 6506.10 có 5 dòng thuế; dòng 6506.10.40 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Mũ dùng trong chơi water-polo.	6506.10.10 Mũ bảo hiểm cho người đi xe máy; 6506.10.20 Mũ bảo hộ công nghiệp và mũ bảo hiểm cho lính cứu hỏa, trừ mũ bảo hộ bằng thép; 6506.10.30 Mũ bảo hộ bằng thép; 6506.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6506.10.40. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 6506.10.40 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10073), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.